

Bản án số: **01/2026/HNGĐ-PT**

Ngày 05 - 01 - 2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Phụng.

Ông Nguyễn Hữu Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thị Kim Chúc - Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2025/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 98/2025/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cần Thơ, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 821/2025/QĐ - PT, ngày 26 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp T, phường M, thành phố Cần Thơ. CCCD: 051075012278, cấp ngày 21/9/2022 (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Trần Quốc D - Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư thành phố C. Địa chỉ: Số I, T, phường P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp T, phường M, thành phố Cần Thơ. CCCD: 094194005886, cấp ngày 25/9/2022 (vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Ông với bà Nguyễn Thị T1 cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 22/01/2019. Đến tháng 9/2023 thì vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay do bất đồng ý kiến. Vì vậy, ông yêu cầu được ly hôn với bà T1; về con chung: ông và bà T1 có 01 con chung là Lê Ngọc Tú N, sinh ngày 24/5/2020. Từ tháng 9/2023 đến nay bà T1 bỏ nhà đi và đưa con theo. Khi ly hôn, ông yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay công việc của ông làm phân phối bánh bao, thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng. Hơn nữa hiện nay ông đang sống tại nhà riêng tại ấp T, có đủ điều kiện để nuôi dạy con, còn bà T1 sống ở nhà trọ nên việc nuôi con sẽ không đảm bảo; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà và ông Lê Văn T cưới nhau năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 22/01/2019. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 9/2023 thì bà lên tỉnh Long An (cũ) nay là tỉnh Tây Ninh sinh sống và vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn nên ông T yêu cầu ly hôn, bà đồng ý. Còn về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Lê Ngọc Tú N, sinh ngày 24/5/2020, hiện nay đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà làm công nhân công ty giày da, thu nhập mỗi tháng trên 10.000.000 đồng. Mặc dù, sống ở nhà trọ nhưng bà vẫn lo cho con đi học và nuôi dạy con tốt. Từ khi bà và ông T không sống chung với nhau từ tháng 9/2023 đến nay thì con do bà trực tiếp nuôi dưỡng, con gái đã quen sống với bà nên bà không đồng ý giao con cho ông T nuôi.

Tại bản án số 98/2025/HNGĐ-ST, ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân Khu vực 8 - Cần Thơ, đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.
- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T1 được quyền trực tiếp nuôi con chung là Lê Ngọc Tú N, sinh ngày 24/5/2020 cho đến khi cháu Lê Ngọc Tú N đủ 18 tuổi. Ông Lê Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.
- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T1 không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 03/10/2025, nguyên đơn ông Lê Văn T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết Sửa một phần Bản án Hôn nhân và gia đình số 98/2025/HNGĐ-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân Khu vực 8 – Cần Thơ theo hướng giao cháu Lê Ngọc Tú N, sinh ngày 24/5/2020 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N tròn 18 tuổi và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo; bị đơn vắng mặt không lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn giao cháu Lê Ngọc Tú N, sinh ngày 24/5/2025 cho ông Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng do ông T có điều kiện tốt hơn bà T1.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, sau khi trình bày và đánh giá chứng cứ kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình số 98/2025/HNGĐ-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân Khu vực 8 - Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo nguyên đơn đã nộp đơn kháng cáo ngày 03/10/2025 trực tiếp cho Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Cần Thơ là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Ông Lê Văn T, Nguyễn Thị T1 tự nguyện kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/01/2019 nên hôn nhân của ông T và bà T1 là hợp pháp. Về quan hệ hôn nhân ông T yêu cầu ly hôn và bà T1 cũng đồng ý nên cấp sơ thẩm đã cho ông T được ly hôn với bà T1; về tài sản chung, nợ chung Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu; về con chung, cấp sơ thẩm tuyên giao con chung Lê Ngọc Tú N, sinh ngày 24/5/2020 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu 18 tuổi. Sau khi xét xử sơ thẩm ông T không đồng ý về con chung giao cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng nên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao con chung cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lê Ngọc Tú N, sinh ngày 24/5/2020, với lý do ông T cho rằng cấp sơ thẩm giao cháu N cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng là thiệt thòi cho cháu vì cháu N phải sông chật vật

tại các khu nhà trọ, ăn uống thiếu thốn, thường xuyên vắng mẹ và người lạ chăm sóc khi mẹ không có nhà. Quá trình giải quyết vụ án bà T1 không đồng ý với yêu cầu của ông T mà cho rằng bà có công việc ổn định đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con, mặc dù sống ở nhà trọ nhưng bà vẫn lo cho con đi học, nuôi dạy con tốt và từ khi vợ chồng ly thân với nhau từ tháng 9/2023 đến nay thì con do bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng và cháu N là con gái đã quen sống với bà nên bà không đồng ý giao con cho ông T nuôi. Xét thấy, theo khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định khi ly hôn “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi con, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con về vật chất lẫn tinh thần. Về nguyên tắc, con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Do hiện nay ông T và bà T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con nên để đảm bảo về tâm sinh lý, cũng như sự phát triển bình thường của các cháu. Hội đồng xét xử cần xem xét về môi trường, hoàn cảnh và điều kiện chăm sóc con. Xét thấy, từ khi ông T, bà T1 ly thân từ tháng 9/2023 và sau đó ly hôn thì khoảng thời gian này cháu N sống cùng bà T1 và hiện nay cháu N đã được đi học, cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặc dù, bà T1 ở nhà trọ nhưng có việc làm ổn định, từ khi ly thân đến nay bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, cuộc sống của cháu N sống với mẹ đã ổn định, phát triển tốt về thể chất tinh thần, hơn nữa cháu N là bé gái nếu thay đổi môi trường sống của cháu sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu nên cấp sơ thẩm đã xem xét giao cháu N cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Ông T kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh trong thời gian cháu N sống với bà T1, bà T1 không đủ điều kiện chăm sóc các cháu, cháu bị ngược đãi hoặc bà T1 vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ chăm sóc con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[5] Từ phân tích trên thấy đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 98/2025/HNGĐ-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân Khu vực 8 – Cần Thơ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 98/2025/HNGĐ-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân Khu vực 8 – Cần Thơ, như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, án tuyên như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.
2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T1 được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Lê Ngọc Tú N, sinh ngày 24/5/2020 cho đến khi cháu Lê Ngọc Tú N đủ 18 tuổi. Ông Lê Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T1 không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, Lệ phí Tòa án số 0008418 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Cần Thơ). Ông Lê Văn T đã nộp xong.
6. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004155 và Biên lai điều chỉnh số 0004167 cùng ngày 03/10/2025 Thi hành án dân sự thành phố C.
7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

8. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy